TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 9 – 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.

2. Ông Nguyễn Thành Nghiêm.

H ký phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt, là H ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Thông báo số: 339/TB-TA, ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Hữu P**, (tên gọi khác: Trần Hửu P).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Bùi Thanh T**.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Hữu P trình bày:

Chị Trần Hữu P và anh Bùi Thanh T tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 14 tháng 02 năm 2011. Sau khi kết hôn, Chị P và anh T chung sống hạnh phúc, đến ngày 20 tháng 5 năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh, chị không còn chung sống với nhau từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến nay. Chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị P với anh T có một con chung tên Bùi Trần H, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2012. Cháu H đang sống chung với chị P. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì chị có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Anh Bùi Thanh T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và các giấy triệu tập tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, H ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là vụ án ly hôn và việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh T được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2011. Nay chị P yêu cầu ly hôn, vấn đề này được Hội đồng xem xét như sau: Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt; tại phiên tòa chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng chị không còn tình cảm với anh T, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P với anh T có một con chung tên Bùi Trần H, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2012, chị P yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị P và anh T không thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị P; theo biên bản ghi ý kiến của cháu H, thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị P; nhằm ổn định cuộc sống cho cháu, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ, quyền của anh T đối với con: Anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; anh cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Hờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Hờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Hữu P (tên gọi khác: Trần Hửu P) được ly hôn với bị đơn anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Trần H, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2012 cho chị Trần Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hữu P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003654 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Chị P đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh